

Số: 1108/QĐ-UBND

Thị xã Duyên Hải, ngày 27 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán
ngân sách năm 2022 của thị xã Duyên Hải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 21/5/2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022;

Xét Tờ trình số 59/TTr-PTCKH ngày 26/7/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Duyên Hải về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 của thị xã Duyên Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của thị xã Duyên Hải (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

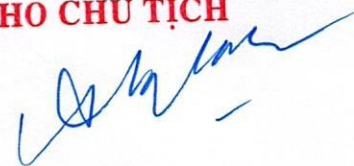
Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Các phòng, ban ngành thị xã (03 hệ);
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã;
- Tòa án nhân dân thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT, CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 98/CK-NSNN

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số: 410/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã		Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã	Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã	Ngân sách cấp thị xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	513.423	433.566	79.857	469.728	396.163	73.565	91,49	91,37	92,12
A	CHI CÁN ĐỔI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	486.147	406.291	79.857	442.453	368.888	73.565	91,01	90,79	92,12
I	Chi đầu tư phát triển	88.939	88.576	363	78.322	78.034	288	88,06	88,10	79,47
1	Chi đầu tư cho các dự án	88.939	88.576	363	78.322	78.034	288	88,06	88,10	79,47
	Trong đó chia theo lĩnh vực:									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	8.114	-	0	6.999	-	86,26	86,26	
-	Chi khoa học và công nghệ									
	Trong đó chia theo nguồn vốn:									
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	0	6.476	-	0	6.400	-	98,83	98,83	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết									
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	258.893	207.228	51.665	229.614	184.166	45.448	88,69	88,87	87,97
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0	92.968	918	85.864	85.474	390	92,36	91,94	42,45
2	Chi khoa học và công nghệ	0	1.000	-	574	574	-	57,45	57,45	
III	Dự phòng ngân sách									
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương									
V	Chi các chương trình mục tiêu	9.039	9.039	-	5.239	5.239	-	57,97	57,97	

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã		Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã	Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách cấp thị xã	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	9.039	9.039	-	5.239	5.239	-	57,97	57,97	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ									
VI	CHI CHUYÊN GIAO									
VII	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	27.246	25.095	2.151	27.246	25.095	2.151	100,00	100,00	100,00
VIII	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU	102.031	76.353	25.678	102.031	76.353	25.678	100,00	100,00	100,00
B	CHI BỔ SUNG CHO NS CẤP DƯỚI	27.276	27.276		27.276	27.276		100,00	100,00	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 99/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	433.566	396.163	91,37
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	27.276	27.276	100,00
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ THEO LĨNH VỰC	320.899	287.295	89,53
	<i>Trong đó:</i>			
I	Chi đầu tư phát triển	88.576	78.034	88,10
1	Chi đầu tư cho các dự án	88.576	78.034	88,10
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	207.228	184.166	88,87
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	92.968	85.474	91,94
2	Chi khoa học và công nghệ (2)	1.000	574	57,45
3	Chi quốc phòng	3.387	3.387	100,00
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.206	2.206	100,00
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin	2.106	1.942	92,21
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao	627	578	92,22
9	Chi bảo vệ môi trường	5.796	4.720	81,44
10	Chi các hoạt động kinh tế	40.797	38.341	93,98
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.931	31.395	74,87
12	Chi bảo đảm xã hội	14.339	13.477	93,99
13	Chi thường xuyên khác	2.071	2.071	100,00
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự phòng tài chính			
V	Dự phòng ngân sách			
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên	25.095	25.095	100,00
VIII	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-		

	Bổ sung cân đối	-		
	Bổ sung có mục tiêu	-		
C	Chi các chương trình mục tiêu	9.039	5.239	57,97
	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	9.039	5.239	57,97
	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ			
D	CHI CHUYÊN NGUYÊN SANG NĂM SAU	76.353	76.353	100,00

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán				Quyết toán												So sánh (%)				
		Tổng số	Trong đó			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025				Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025				Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025				Tổng số	Kinh phí phát triển			
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Kinh phí	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=5/2	20=9/3	
	TỔNG SỐ	9.039	-	9.039	5.239	4.636	-	604	604	604	604	-	-	-	-	-	-	-	-	58,0	6,7	
I	Ngân sách cấp thị xã	9.039	-	9.039	5.239	4.636	-	604	604	604	604	-	-	-	-	-	-	-	-	58,0	6,7	
1	Phòng Kinh tế	905		905	65	-				65	65									7,2	7,2	
2	Phòng Lao động - TB vàXH	884		884	99	-				99	99									11,2	11,2	
3	Phòng Tài nguyên - Môi trường	450		450	440	-				440	440									97,7	97,7	
4	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu vực thị xã Duyên Hải	6.800		6.800	4.636	4.636				-										68,2	68,2	
II	Ngân sách xã	-		-																		

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ CHO NGÂN SÁCH TÙNG XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã DuỖn Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán				Quyết toán				So sánh (%)									
		Bổ sung cân đối		Bổ sung có mục tiêu		Bổ sung cân đối		Bổ sung có mục tiêu		Bổ sung cân đối		Bổ sung có mục tiêu							
		Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13-7/1	14-8/2	15-9/3	16=10/4	17=11/5	18=12/6
	TỔNG SỐ	27.276	20.582	6.693	-	6.693	-	27.276	20.582	6.693	-	6.693	-	100	100	100	100	100	
1	Phường 1	1.940	963	977		977		1.940	963	977		977		100	100	100	100	100	
2	Phường 2	2.831	1.980	851		851		2.831	1.980	851		851		100	100	100	100	100	
3	Xã Long Toàn	2.833	2.205	628		628		2.833	2.205	628		628		100	100	100	100	100	
4	Xã Long Hữu	6.571	5.473	1.098		1.098		6.571	5.473	1.098		1.098		100	100	100	100	100	
5	Xã Dân Thành	2.328	1.334	993		993		2.328	1.334	993		993		100	100	100	100	100	
6	Xã Trường Long Hòa	5.846	4.315	1.532		1.532		5.846	4.315	1.532		1.532		100	100	100	100	100	
7	Xã Hiệp Thành	4.927	4.312	615		615		4.927	4.312	615		615		100	100	100	100	100	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Biểu số 96/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ	306.004	534.451	174,65
1	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	81.000	109.089	134,68
-	Thu ngân sách thị xã hưởng 100%	31.630	42.371	133,96
-	Thu ngân sách thị xã hưởng từ các khoản thu phân chia	49.370	66.718	135,14
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	225.004	275.213	122,31
-	Thu bổ sung cân đối	209.899	230.481	109,81
-	Thu bổ sung có mục tiêu	15.105	44.732	296,14
3	Thu viện trợ			
4	Thu kết dư		90.190	
5	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang		57.808	
6	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		2.151	
7	Thu huy động, đóng góp			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	513.423	469.728	91,49
I	Chi cân đối ngân sách thị xã	486.147	442.453	91,01
1	Chi đầu tư phát triển	88.939	78.322	88,06
2	Chi thường xuyên	258.893	229.614	88,69
3	Dự phòng ngân sách			
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
5	Chi các chương trình mục tiêu	9.039	5.239	57,97
	<i>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</i>	<i>9.039</i>	<i>5.239</i>	<i>57,97</i>
	<i>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</i>			
6	Chi chuyển giao			
7	Chi nộp ngân sách cấp trên	27.246	27.246	100,00
8	Chi chuyển nguồn sang năm sau	102.031	102.031	100,00
II	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	27.276	27.276	100,00
1	Bổ sung cân đối	20.582	20.582	100,00
2	Bổ sung có mục tiêu	6.693	6.693	100,00

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Biểu số 97/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN	310.004	306.004	564.555	534.451	182,11	174,65
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	85.000	81.000	114.098	109.089	134,23	134,68
I	Thu nội địa	85.000	81.000	114.098	109.089	134,23	134,68
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	-	-	8	-		
-	- Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước			4			
-	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước			-			
-	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			4			
-	- Thuế tài nguyên						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	103	88		
-	- Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước			66	66		
-	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước			-	-		
-	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			36	22		
-	- Thuế tài nguyên						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	41.500	41.500	56.080	56.080	135,13	135,13
-	- Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	36.539	36.539	46.292	46.292	126,69	126,69

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	180	180	114	114	63,60	63,60
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.652	2.652	5.417	5.417	204,28	204,28
-	Thuế tài nguyên	2.130	2.130	4.257	4.257	199,85	199,85
5	Lệ phí trước bạ	11.500	11.500	18.028	18.028	156,77	156,77
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	400	404	404	100,97	100,97
8	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	10.000	14.807	14.807	148,07	148,07
9	Thuế bảo vệ môi trường						
10	Phí, lệ phí	3.500	3.500	5.393	3.280	154,07	93,71
-	Phí và lệ phí trung ương	-	-	2.113	-		
-	Phí và lệ phí tỉnh	-	-	-	-		
-	Phí và lệ phí huyện	-	-	3.002	3.002		
-	Phí và lệ phí xã, phường	-	-	278	278		
11	Thu tiền sử dụng đất	11.000	11.000	16.545	16.545	150,41	150,41
12	Thu khác ngân sách	6.600	2.600	4.447	1.574	67,38	60,54
13	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	-	-	75	75		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-2.346	-2.346		
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
17	Thu từ bán tài sản nhà nước						
18	Thu từ cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu của nhà nước	500	500	555	555	111,03	111,03
II	Thu về dầu thô						
III	Thu cân đối từ hoạt động XNK						
IV	Thu viện trợ						
V	Thu hoàn huy động, đóng góp						
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	225.004	225.004	302.459	277.364	134,42	123,27
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	225.004	225.004	275.213	275.213	122,31	122,31
1.	Bổ sung cân đối	209.899	209.899	230.481	230.481	109,81	109,81
2.	Bổ sung có mục tiêu	15.105	15.105	44.732	44.732		

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên			27.246	2.151		
D	THU CHUYỂN NGUỒN			57.808	57.808		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			90.190	90.190		

CÔNG KHAI THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH THỊ XÃ DUYÊN HẢI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1108/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu - chi ngân sách thị xã Duyên Hải năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 17/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải báo cáo công khai thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2022 như sau:

I/. Thu ngân sách:

* **Tổng thu NSNN năm 2022:** 534.451 triệu đồng, trong đó:

1/. Thu nội địa: 109.089 triệu đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 88 triệu đồng;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 56.080 triệu đồng, đạt 135,13% so với dự toán năm 2022;

- Thuế thu nhập cá nhân: 14.807 triệu đồng, đạt 148,07% so với dự toán năm 2022;

- Lệ phí trước bạ: 18.028 triệu đồng, đạt 156,77% so với dự toán năm 2022;

- Phí, lệ phí: 3.280 triệu đồng, đạt 93,71% so với dự toán năm 2022;

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 404 triệu đồng, đạt 100,97% so với dự toán năm 2022;

- Thu tiền sử dụng đất: 16.545 triệu đồng, đạt 150,41% so với dự toán năm 2022;

- Thu khác ngân sách: 1.574 triệu đồng, đạt 60,54% so với dự toán năm 2022;

- Thu tiền cho thuê đất, mặt nước 75 triệu đồng;
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: -2.346 triệu đồng (Do hoàn kiêm bù trừ số tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản với sắc thuế thu nhập doanh nghiệp do UBND tỉnh thu hồi mỏ cát của công ty Cổ phần Đầu tư Kiên Giang SG tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND, ngày 24/6/2022);
- Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước: 555 triệu đồng, đạt 111,03% so dự toán năm 2022.

2/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 275.213 triệu đồng.

3/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 57.808 triệu đồng.

4/. Thu kết dư ngân sách: 90.190 triệu đồng.

II. Chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách thị xã năm 2022: 469.728 triệu đồng, trong đó:

1. Chi ngân sách thị xã: 396.163 triệu đồng, đạt 91,37% so với dự toán, trong đó:

1.1. Chi xây dựng cơ bản: 82.670 triệu đồng, đạt 86,68% so dự toán. Gồm các dự án:

- Đường nhựa nội đồng kênh Sa Rày, xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải: 36 triệu đồng;

- Nâng cấp mở rộng Đường Nguyễn Trãi: 2.020 triệu đồng;

- Đường nhựa từ Quốc lộ 53 đến Phước Bình: 65 triệu đồng;

- Đường đan Lộ Cái Biên Phòng áp Chợ: 831 triệu đồng;

- Đường nhựa từ ấp 16 đầu nói TL 914: 1.162 triệu đồng;

- Cầu Trung ương đoàn 30/4: 2.177 triệu đồng;

- Nâng cấp sửa chữa đường đan Rạch Hàm: 6 triệu đồng;

- Đường đan Cầu Phước Bình 1 đến sông Láng chim: 219 triệu đồng;

- Cầu và đường đan Kênh Suôi: 96 triệu đồng;

- Đường đan từ Tỉnh lộ 913 đến Bến Lò: 355 triệu đồng;

- Đường đan từ Hương lộ 81 đến khu Thực Nghiệm: 331 triệu đồng;

- Nâng cấp, sửa chữa đường đan từ 19/5 đến đường Điện Biên Phủ - QL53 (Nhà chú Hai Long - Khóm 2): 90 triệu đồng;

- Nâng cấp mở rộng Đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ 19-5 đến Quốc lộ 53): 48 triệu đồng;

- Đường đan từ đê Quốc Phòng đến Chòi Đôi: 1.500 triệu đồng;

- Cầu Khóm 30/4: 2.175 triệu đồng;

- Đường nhựa Giồng Ôi: 6.370 triệu đồng;

- Đường đan từ đường 3/2 đến Kênh 1, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải: 380 triệu đồng;

- Nâng cấp, sửa chữa Cầu Cồn Tàu: 1.316 triệu đồng;

- Đường nhựa đê bao từ TL914 đến khu đê bao ấp 16: 2.601 triệu đồng;

- Đường nội bộ Nghĩa trang Liệt sĩ: 1.253 triệu đồng;
- Cầu và đường đan kênh giữa khóm Phước Bình: 1.908 triệu đồng;
- Cầu và đường đan Phước An 1: 708 triệu đồng;
- Đường nhựa từ Quốc lộ 53 đến công Ba Rọ: 237 triệu đồng;
- Xây dựng đường đan xương cá (từ QL53B đến đường nhựa Nhà Mát): 880 triệu đồng;
- Đường đan từ Ba Động đến Rạch Lá (bờ dừ 2): 1.990 triệu đồng;
- Nâng cấp, mở rộng đường nhựa 12, 13, 14: 1.529 triệu đồng;
- Đường nhựa Bờ kênh vận chuyên sản phẩm nông nghiệp ấp 15, 16, 17: 3.126 triệu đồng;
- Nâng cấp, sửa chữa Đường Nội đồng từ Diễm học Hải Đăng đến Quốc lộ 53B: 231 triệu đồng;
- Xây dựng mới hệ thống nước ngang Trụ sở ấp Cồn Trứng: 414 triệu đồng;
- Hệ thống thoát nước khóm 2, phường 1: 1.000 triệu đồng;
- Quảng trường thị xã Duyên Hải: 13.241 triệu đồng;
- Xây dựng Công viên xã Trường Long Hòa: 4.766 triệu đồng;
- Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân khóm 1, phường 1: 30 triệu đồng;
- Ban Chỉ huy quân sự thị xã Duyên Hải (Hạng mục: Nâng cấp mở rộng Ban Chỉ huy Quân sự xây dựng nhà ở dân quân cơ động hàng rào khu vực Ban Chỉ huy): 106 triệu đồng;
- Nâng cấp, cải tạo Hội trường Thị ủy khối nhà làm việc khối vận - Mặt trận: 10 triệu đồng;
- Khu hành chính tập trung xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải: 4.727 triệu đồng;
- Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân ấp Láng Cháo, xã Dân Thành: 1.200 triệu đồng;
- Nhà xe học viên Trung tâm Chính trị, thị xã Duyên Hải: 180 triệu đồng;
- Xây dựng Trụ sở Ban nhân dân khóm 4, phường 1: 850 triệu đồng;
- Cải tạo, sửa chữa Hội trường 500 chỗ Thị ủy: 1.500 triệu đồng;
- Cải tạo, sửa chữa các phòng ban làm việc thị xã Duyên Hải: 800 triệu đồng;
- Khu hành chính tập trung phường 2 thị xã Duyên Hải: 10.542.513.236 đồng;
- Nhà ăn + nhà vệ sinh Khu hành chính tập trung phường 2: 1.500 triệu đồng;
- Mua sắm thiết bị phục vụ nơi làm việc Khu hành chính tập trung phường 2: 324 triệu đồng;
- Hàng rào Ủy ban xã Dân Thành: 804 triệu đồng;
- Sân vận động xã Long Hữu: 38 triệu đồng;

- Trường MG Hướng Dương (Hạng mục: Nâng cấp sân đường): 29 triệu;
- Nâng cấp, mở rộng các Trường Mầm non trên địa bàn thị xã Duyên Hải (Giai đoạn 2021-2025): 65 triệu đồng;
- Mua sắm thiết bị Trường THCS Nguyễn Đức Toàn: 2.883 triệu đồng;
- Mua sắm thiết bị Trường Tiểu học Châu Văn Liêm: 1.298 triệu đồng;
- Mua sắm thiết bị Trường Mẫu giáo Ánh Dương: 1.172 triệu đồng;
- Mua sắm thiết bị Trường Mẫu giáo Hòa Mi: 883 triệu đồng;
- Trường Mầm non Tuổi Ngọc (Hạng mục: Mái che khu cát nước khu vườn rau và lát vỉa hè sân đường): 670 triệu đồng.

1.2. Chi sự nghiệp kinh tế: 38.846 triệu đồng, đạt 92,16% so dự toán

1.3. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 574 triệu đồng, đạt 57,45% so dự toán

1.4. Chi sự nghiệp môi trường: 4.720 triệu đồng, đạt 81,44% so dự toán

1.5. Chi sự nghiệp Văn hóa và Thông tin: 1.942 triệu đồng, đạt 92,21% so dự toán

1.6. Chi sự nghiệp thể thao: 578 triệu đồng, đạt 92,22% so với dự toán.

1.7. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề: 85.474 triệu đồng, đạt 91,94% so dự toán.

1.8. Chi Bảo đảm xã hội: 13.576 triệu đồng, đạt 89,18% so dự toán, cụ thể:

1.9. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 31.395 triệu đồng, đạt 74,87% so dự toán

1.10. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 2.206 triệu đồng đạt 100% so dự toán;

1.11 Chi quốc phòng: 3.387 triệu đồng, đạt 100% so dự toán;

1.12. Chi khác ngân sách: 2.071 triệu đồng. Trong đó, chi hỗ trợ cho các nội dung:

- Chi hỗ trợ ngân hàng chính sách theo Chỉ thị 40/BCT ngày 22/11/2014 chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: 1.000 triệu đồng;

- Chi hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân: 300 triệu đồng;

- Chi hỗ trợ cho lao động trẻ về làm việc tại các hợp tác xã: 771 triệu đồng;

1.13. Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước sang năm sau: 76.353 triệu đồng.

1.14. Chi nộp ngân sách cấp trên: 25.095 triệu đồng.

1.15. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới: 27.276 triệu đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối: 20.582 triệu đồng;

- Bổ sung mục tiêu: 6.693 triệu đồng.

2. Chi ngân sách xã, phường: 73.565 triệu đồng, đạt 92,1% so dự toán:

*** Trong đó:**

1. Phường 1: 10.253 triệu đồng, đạt 90,55% so dự toán;
2. Phường 2: 7.731 triệu đồng, đạt 91,28% so dự toán;
3. Xã Long Toàn: 11.697 triệu đồng, đạt 93,43% so dự toán;
4. Xã Long Hữu: 11.157 triệu đồng, đạt 91,08% so dự toán;
5. Xã Dân Thành: 14.577 triệu đồng, đạt 95,59% so dự toán;
6. Xã Trường Long Hòa: 9.563 triệu đồng, đạt 91,24% so dự toán;
7. Xã Hiệp Thạnh: 8.588 triệu đồng, đạt 89,77% so dự toán.

*** Chi theo lĩnh vực:**

- Chi xây dựng cơ bản: 288 triệu đồng;
- Chi Giáo dục và Đào tạo và dạy nghề: 390 triệu đồng;
- Chi Văn hoá và Thông tin: 1.508 triệu đồng;
- Các hoạt động kinh tế: 204 triệu đồng;
- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 37.303 triệu đồng; trong đó:
 - + Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước: 24.361 triệu đồng;
 - + Chi hoạt động của khối Đảng: 6.195 triệu đồng;
 - + Chi hoạt động khối Đoàn thể: 6.747 triệu đồng;
- Chi an ninh, quốc phòng: 6.044 triệu đồng;
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 25.678 triệu đồng;
- Chi nộp trả kinh phí cấp trên: 2.151 triệu đồng.

III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung trong năm 2022, tổng thu ngân sách thị xã đạt 174,65%, tổng chi đạt 91,49% so với dự toán năm 2022. UBND thị xã Duyên Hải chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi cần thiết không có trong dự toán để đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh quyết toán ngân sách năm 2022 (chi tiết theo Biểu số 96,97,98,99,100,101,102/CK-NSNN kèm theo)./.